

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: ETHANAL (ACETALDEHYDE)

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất:** Ethanal (Acetaldehyde)
- Công thức phân tử:** C₂H₄O
- CAS:** 75-07-0
- Mã EC:** 200-836-8
- Tên khác:** Acetaldehyde, ethanal, aldehyde axetic
- Sử dụng:** Phương tiện phản ứng hóa học, dung môi, nguyên liệu tổng hợp hữu cơ
- Nhà cung cấp tại Việt Nam:**
CÔNG TY TNHH MTV ĐỨC MAI KHÔI
Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, P. An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh
Mã số thuế: 0314051291
Số điện thoại: 0909.907.861

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

Phân loại theo GHS:

- Flam. Liq. 2 – H225 (Chất lỏng dễ cháy, dễ bốc hơi)
- Acute Tox. 3 – H301 (Độc nếu nuốt phải)
- Acute Tox. 3 – H311 (Độc nếu tiếp xúc với da)
- Acute Tox. 3 – H331 (Độc nếu hít phải)
- Skin Irrit. 2 – H315 (Kích ứng da)
- Eye Irrit. 2 – H319 (Kích ứng mắt)
- STOT SE 3 – H335 (Có thể gây kích ứng đường hô hấp)
- Carc. 2 – H351 (Nghĩ ngờ gây ung thư)
- Aquatic Chronic 2 – H411 (Độc với sinh vật thủy sinh, tác hại lâu dài)

Từ cảnh báo: NGUY HIỂM

Biểu tượng nguy hại: (GHS02, GHS06, GHS08, GHS09)

Câu cảnh báo nguy hiểm:

- H225: Dễ cháy.
- H301+H311+H331: Độc nếu nuốt, hít phải hoặc tiếp xúc da.
- H315+H319: Gây kích ứng da và mắt.
- H335: Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
- H351: Nghi ngờ gây ung thư.
- H411: Có hại cho sinh vật thủy sinh.

Câu phòng ngừa:

- P210: Tránh nhiệt, tia lửa, lửa trần.
- P260: Không hít khí/dung dịch.
- P280: Mang găng tay, kính bảo hộ, áo chống hóa chất.
- P301+P310: Nếu nuốt phải: gọi bác sĩ ngay.
- P303+P361+P353: Nếu dính da: cởi bỏ quần áo nhiễm hóa chất, rửa bằng nước.
- P305+P351+P338: Nếu dính mắt: rửa kỹ bằng nước ít nhất 15 phút.
- P501: Xử lý chất thải theo quy định địa phương.

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Thành phần	CAS	Nồng độ
Ethanal (C ₂ H ₄ O)	75-07-0	≥ 95%

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí, hỗ trợ hô hấp nếu cần, gọi cấp cứu.

- **Tiếp xúc da:** Rửa kỹ bằng xà phòng và nước ít nhất 15 phút, cởi bỏ quần áo nhiễm.
- **Tiếp xúc mắt:** Rửa ngay bằng nước sạch ít nhất 15 phút, đến cơ sở y tế.
- **Nuốt phải:** Không gây nôn, gọi trung tâm chống độc ngay.

Triệu chứng: Ho, khó thở, buồn nôn, đau đầu, kích ứng da và mắt.

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- **Phương tiện chữa cháy:** CO₂, bột, bột khô, nước phun sương.
- **Nguy cơ cháy nổ:** Dễ cháy, khí hơi nặng hơn không khí, có thể cháy nổ khi gặp nguồn đánh lửa.
- **Trang bị bảo hộ:** Mặt nạ phòng độc, găng tay, quần áo chống cháy.

MỤC 6: ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- **Biện pháp cá nhân:** Mang găng tay, kính, khẩu trang chống hơi.
- **Biện pháp môi trường:** Tránh xa vào nguồn nước, sông hồ.
- **Thu gom:** Dùng vật liệu hấp thụ không cháy, thu vào thùng kín, cách ly nguồn lửa.

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- **Sử dụng:** Trong tủ hút, tránh nhiệt và lửa trần.
- **Bảo quản:** Nơi khô, mát, kín, tránh ánh sáng và nguồn dễ cháy.
- **Không tương thích:** Chất oxy hóa mạnh, axit mạnh, bazơ mạnh, hợp chất dễ cháy.

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO HỘ CÁ NHÂN

- **Giới hạn phơi nhiễm (TLV-TWA):** 25 ppm (ACGIH)
- **Trang bị bảo hộ:**
 - Mắt: Kính bảo hộ kín
 - Da: Găng tay, áo phòng thí nghiệm
 - Hô hấp: Mặt nạ lọc hơi hữu cơ nếu cần
 - Da: Quần áo bảo hộ chống hóa chất

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

Thuộc tính	Giá trị
Trạng thái	Lỏng, không màu
Mùi	Hơi ngọt, mạnh
Điểm sôi	20.2°C
Điểm chớp cháy	-39°C
Tỷ trọng	0.785 g/cm ³ (20°C)
Tan trong nước	Hoàn toàn
Ổn định	Ổn định ở điều kiện thường

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Ổn định:** Ổn định dưới nhiệt độ phòng, tránh ánh sáng mạnh.
- **Phản ứng nguy hiểm:** Hấp thụ oxy → peroxit, phản ứng với oxy hóa mạnh, bazơ mạnh, kim loại.
- **Sản phẩm phân hủy:** CO, CO₂

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **LD₅₀ (chuột, uống):** 1230 mg/kg
- **LD₅₀ (chuột, da):** 2000 mg/kg
- **LC₅₀ (hít, chuột):** 2000 ppm/4h
- **Tác hại:** Kích ứng mắt, da, hít phải; nghi ngờ gây ung thư; độc với hệ thần kinh và hô hấp khi phơi nhiễm lâu dài.

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Độc tính sinh học:** Có hại cho sinh vật thủy sinh.
- **Phân hủy sinh học:** Dễ phân hủy sinh học.
- **Tích lũy sinh học:** Không đáng kể.

MỤC 13: XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Thu gom trong thùng kín, tránh phát tán hơi.
- Chất thải phải xử lý theo **quy định hóa chất nguy hại**.

MỤC 14: VẬN CHUYỂN

- **Tên vận chuyển:** Acetaldehyde
- **UN Number:** 1089
- **Nhóm nguy hiểm:** 3 (chất lỏng dễ cháy)
- **Nhãn nguy hiểm:** Flammable liquid (GHS02), Toxic (GHS06), Environmental hazard (GHS09)

MỤC 15: QUY ĐỊNH PHÁP LÝ

- Tuân thủ **TCVN 9487:2012, Nghị định 113/2017/NĐ-CP** về quản lý hóa chất nguy hại.

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- **Ngày phát hành SDS:** 15/10/2025
- **Tài liệu tham khảo:** PubChem CID 177, Sigma-Aldrich SDS, GHS Purple Book.
- **Ghi chú:**
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
 - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
 - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế